

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU  
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2025

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Công Bằng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Dư Thị Út.

- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Tiểu My - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 503/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số E, đường C, Khóm E, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh **Thái Văn P**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số E, đường L, Khóm G, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*(Chị T, anh P vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:* Chị T và anh P tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh P chỉ biết ăn chơi, không chăm lo cuộc sống gia đình, dẫn đến

vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên từ năm 2021 chị T đã về nhà mẹ ruột tại số E, đường C, Khóm E, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không thể sống chung được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Thái Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh P có 01 con chung là cháu Thái Quang V, sinh ngày 22/12/2013, hiện tại cháu đang sống cùng anh P, khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu V cho anh P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P đều vắng mặt và không có bất cứ ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Chị T và anh P chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng đến nay đã xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, cũng đã sống ly thân một thời gian nhưng không hàn gắn được mâu thuẫn, nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Hiện nay cháu Thái Quang V đang sống với anh P, cũng nhằm tránh xáo trộn tâm lý của cháu và theo nguyện vọng của cháu cũng muốn được sinh sống cùng anh P nên chấp nhận giao cháu Thái Quang V cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Do các đương sự không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra đề giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Phạm Thị T phải nộp theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Phạm Thị T yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn P có nơi cư trú tại số E, đường L, Khóm G, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/12/2024 nộp tại Tòa án, xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị Phạm Thị T là hoàn toàn tự nguyện và không trái với pháp luật, nên được chấp nhận. Quá trình Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý vụ án đã triệu tập, thông báo cho anh Thái Văn P tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và triệu tập xét xử nhưng anh Thái Văn P đều vắng mặt, kể cả ngày hôm nay (ngày 13/01/2025); cho thấy anh Thái Văn P cố tình trốn tránh. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự; áp dụng Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] *Về nội dung khởi kiện:* Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Văn P; Về con chung sau khi ly hôn chị T đồng ý giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3.1] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Thái Văn P tự nguyện tiến tới hôn nhân từ năm 2014, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09/2014, quyển số 01/2013, ngày 14/02/2014 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân được xây dựng trên mối quan hệ tình cảm vợ chồng và các thành viên trong gia đình. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, theo chị Phạm Thị T xác định quá trình chung sống vợ chồng thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh P không chí thú làm ăn,

chỉ biết ăn chơi, không chăm lo cuộc sống gia đình, từ đầu năm 2021 chị Phạm Thị T đã về nhà mẹ ruột tại số E, đường C, Khóm E, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu sinh sống cho đến nay, nhưng anh P không quan tâm, không hàn gắn. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh P đến Tòa án, nhưng anh P đều không có ý kiến cũng như không đến Tòa án, cho thấy anh P không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Phạm Thị T. Ngoài ra, tại biên bản xác minh, đại diện chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị T và anh P sinh sống xác nhận vợ chồng chị T và anh P có xảy ra mâu thuẫn hôn nhân hay không thì chính quyền không nắm được do không ai trình báo với địa phương nhưng giữa chị T và anh P có sống ly thân là xảy ra thực tế, chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại số E, đường C, Khóm E, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu sống từ năm 2021 cho đến nay nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn, chị T về nhà cha mẹ ruột và cả hai không sống chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, chỉ vì bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng mà cả hai không có biện pháp hàn gắn, làm cho đời sống vợ chồng ngày càng xa cách hơn, đời sống chung không còn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Thái Văn P như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ.

[3.2] *Về con chung*: Theo lời trình bày của chị T phù hợp với giấy khai sinh và biên bản xác minh của chính quyền địa phương cho thấy giữa chị T và anh P chung sống với nhau có 01 người con chung là cháu Thái Quang V, sinh ngày 22/12/2013; Hội đồng xét xử xét thấy cháu V hiện đang sống cùng với anh P, để không làm xáo trộn đời sống của cháu và theo nguyện vọng của cháu là sau khi cha mẹ ly hôn thì cháu muốn được sống cùng anh P, vì vậy cần giao cháu Thái Quang V cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định pháp luật. Chị Phạm Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

*Về cấp dưỡng nuôi con*: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không có bất cứ ý kiến phản hồi gì về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Tuy nhiên, anh P vẫn có quyền yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3.3] *Về tài sản chung*: Chị T xác định chị và anh P không có tài sản chung, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] *Về nợ chung*: Chị T xác định chị và anh P không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù

hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] *Về án phí:* Chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 207, Điều 227, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1./ *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Thái Văn P.

2./ *Về con chung:* Giao cháu Thái Quang V, sinh ngày 22/12/2013 cho anh Thái Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, (hiện tại cháu V đang sống chung với anh P nên được giữ nguyên). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu. Chị Phạm Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3./ *Về tài sản chung:* Chị Phạm Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4./ *Về nợ chung:* Chị Phạm Thị T xác định vợ chồng không có nợ tài sản gì của ai và không ai nợ tài sản gì của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5./ *Về án phí:* Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị Phạm Thị T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003373 ngày 18/11/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án sơ thẩm xử công khai, chị Phạm Thị T, anh Thái Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dư Thị Út**

**Lâm Thị Nguyệt Hồ**

**Bùi Công Bằng**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**